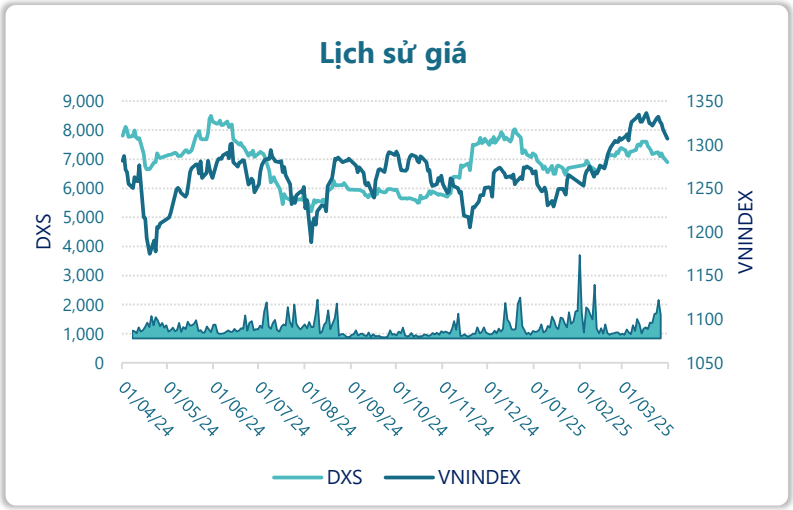
FireAnt

CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (HSX: DXS)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,210
SL cổ phiếu LH	579,103,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,985,940
% sở hữu nước ngoài	21.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,996
P/E	26.7
EPS	258

DT thuần

Q1/25

512

tỷ VNĐ

QoQ: ▼45.0| -8.0%

YoY: ▼22.0| -4.0%

LN sau thuế

Q1/25

43.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.4| -37.9%

YoY: ▼10.3| -19.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.0%

+/- YoY: ▲ 15.7%

DT thuần

2024

2,438

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 441| 22.1%

LN sau thuế

2024

248

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 408| 255%

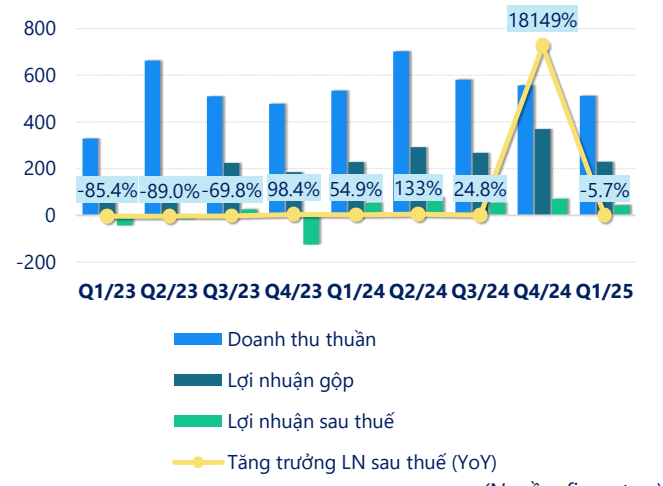
ROE

2024

1.7%

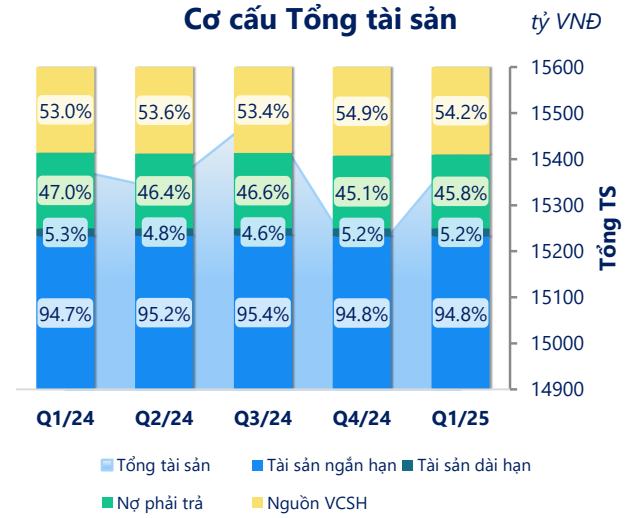
+/- YoY: ▲ 3.8%

Kết quả kinh doanh



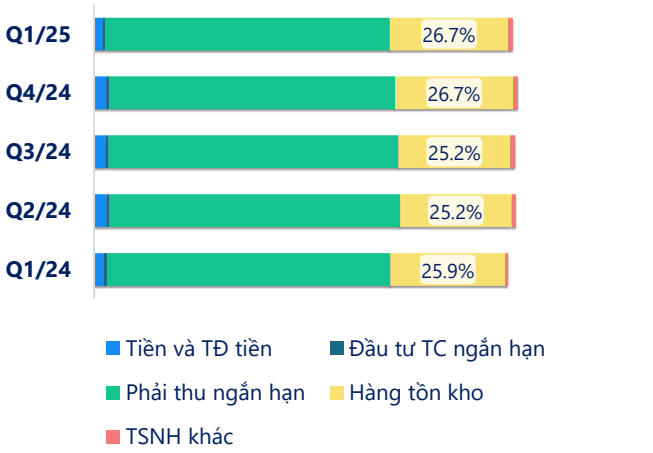
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



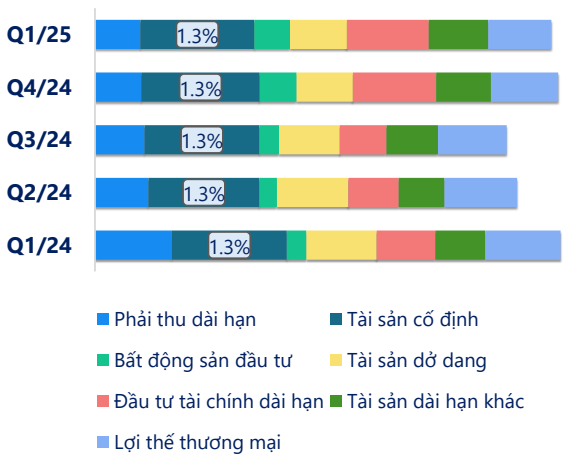
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



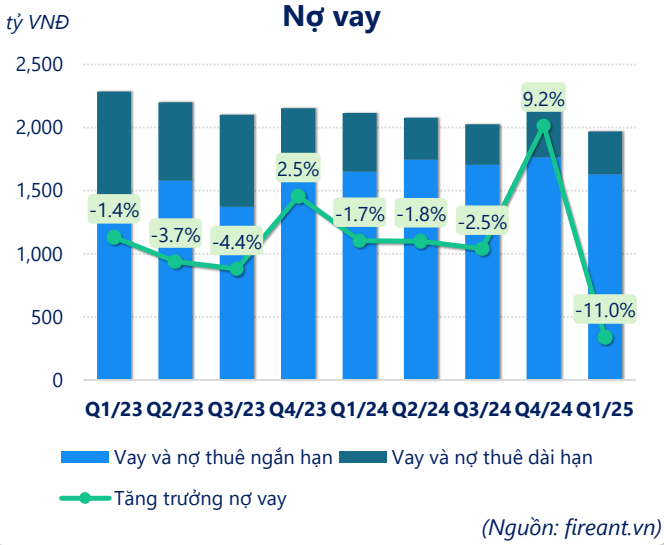
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



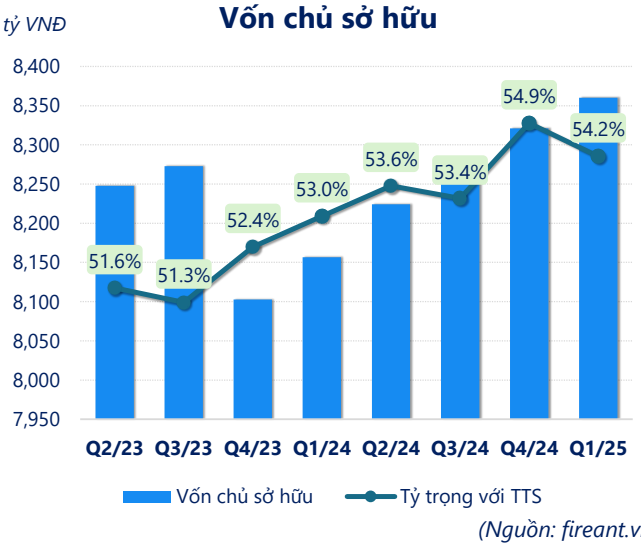
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



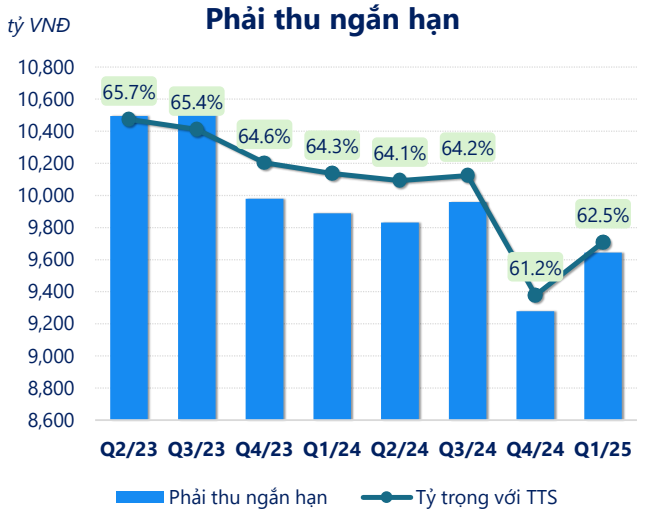
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



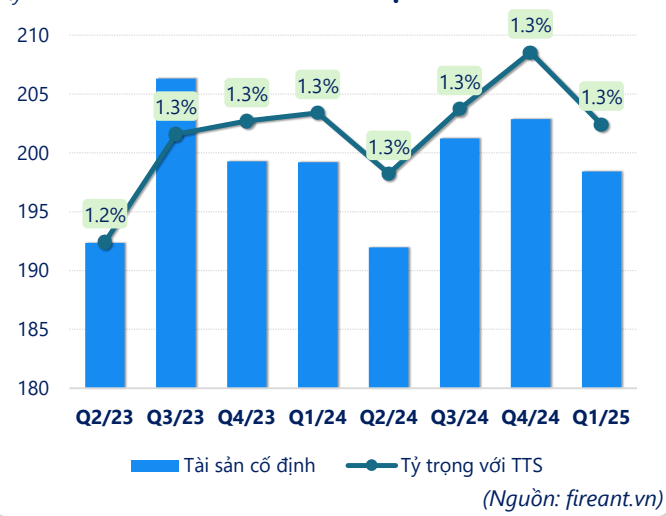
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



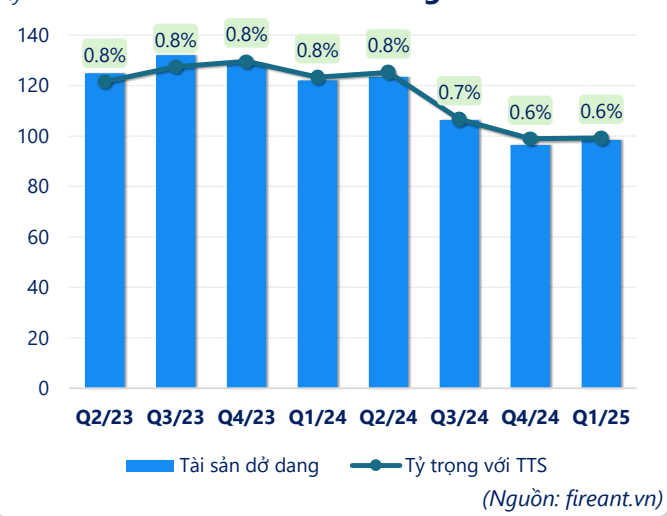
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



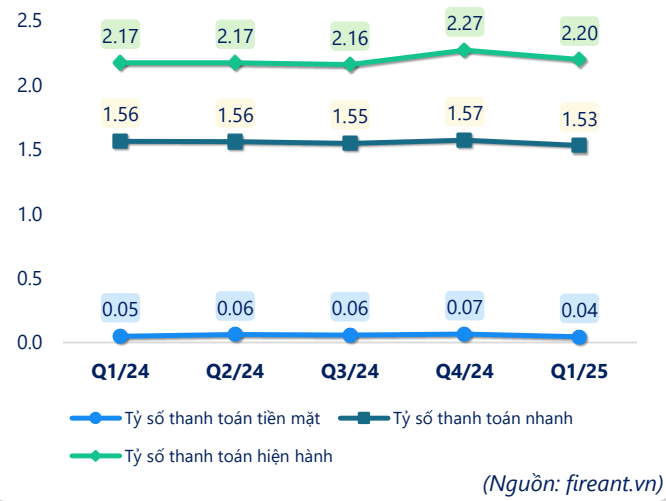
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



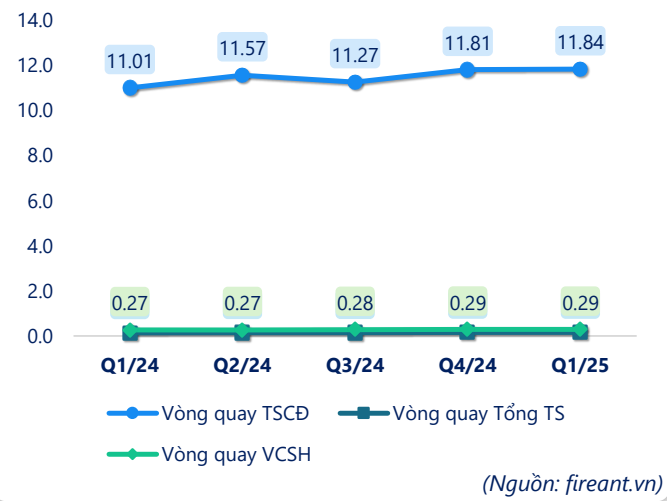
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**15,381**	**15,334**	**15,504**	**15,164**	**15,420**
Tài sản ngắn hạn	**14,573**	**14,603**	**14,783**	**14,371**	**14,625**
Tiền và tương đương tiền	331	422	396	416	296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.3	64.8	59.1	77.6	84.5
Phải thu ngắn hạn	9,888	9,830	9,959	9,278	9,643
Hàng tồn kho	4,105	4,115	4,195	4,425	4,442
Tài sản ngắn hạn khác	167	171	175	174	159
Tài sản dài hạn	**808**	**731**	**720**	**793**	**794**
Phải thu dài hạn	134	92.6	86.6	79.1	78.9
Tài sản cố định	199	192	201	203	198
Bất động sản đầu tư	34.3	30.2	34.1	63.0	62.4
Tài sản dở dang	122	123	106	96.5	98.5
Đầu tư tài chính dài hạn	101	87.2	81.8	142	142
Tài sản dài hạn khác	86.8	79.5	89.8	93.8	104
Lợi thế thương mại	131	126	120	115	110
Nợ phải trả	**7,225**	**7,110**	**7,228**	**6,843**	**7,059**
Nợ ngắn hạn	**6,708**	**6,723**	**6,852**	**6,333**	**6,657**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,652	1,745	1,704	1,763	1,629
Phải trả người bán ngắn hạn	287	329	300	195	330
Nợ dài hạn	517	387	376	510	403
Vay và nợ thuê dài hạn	465	333	322	449	342
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,157**	**8,224**	**8,276**	**8,321**	**8,360**
Vốn chủ sở hữu	**8,157**	**8,224**	**8,276**	**8,321**	**8,360**
Vốn điều lệ	5,791	5,791	5,791	5,791	5,791
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)